

DANH MỤC TỔNG HỢP THÔNG TIN
CÁC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC KCN, KKT
(Tính đến ngày 30 tháng 8 năm 2026)

* Tổng số dự án được cấp phép đầu tư còn hiệu lực đến nay: 77 dự án (trong đó: 48 dự án hoàn thành đi vào hoạt động; 19 dự án đang triển khai; 07 dự án chậm tiến độ; 02 dự án chưa/không triển khai; 01 ngừng hoạt động)

Trong đó:

+ KCN Khánh An tổng số 23 dự án (01 FDI), gồm: 11 dự án hoàn thành; 08 dự án đang triển khai; 04 dự án chậm tiến độ).

+ KCN Tắc Thu 01 dự án hạ tầng KCN: đang triển khai.

+ KCN Hòa Trung tổng số 12 dự án (02 FDI), gồm: 09 dự án hoàn thành (02 FDI); 03 dự án đang triển khai.

+ KCN Sông Đốc 00 hạ tầng KCN: chấm dứt.

+ KKT Cà Mau tổng số 14 dự án, gồm: 09 dự án hoàn thành; 03 dự án đang triển khai; 01 dự án chậm tiến độ; 01 dự án không triển khai.

+ KCN Trà Kha tổng số 26 dự án (01 FDI), gồm: 19 dự án hoàn thành; 04 dự án đang triển khai; 02 dự án chậm tiến độ; 01 dự án chưa triển khai.

+ KCN Láng Trâm 01 dự án: hoàn thành, đã ngừng hoạt động SXKD.

Số TT	Tên Doanh Nghiệp	Tên dự án	Giấy phép đầu tư				Tình trạng dự án
			Số, ngày cấp	Diện tích đăng ký sử dụng đất (ha)	Vốn đăng ký (Tỷ đồng)	Công suất	
TỔNG CỘNG:				640.3654	29586.315		
1	KCN Khánh An (235,86 ha): 23 dự án			148.4424	19131.983	- Hoàn thành: 11 - Đang triển khai: 08 - Chậm tiến độ: 04	
1	Tổng Cty Khí Việt Nam - Cty Cổ phần (Cty Khí Cà Mau đổi tên thành CN Khí Tây Nam Bộ)	Nhà máy xử lý khí Cà Mau	Giấy CNDKDT số 61201000063 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 03/02/2015 (cấp lần đầu ngày 17/10/2011)	34.6460	10525.344	Công suất Nhà máy GPP: - Lưu lượng khí đầu ra 5,75 triệu m³/ngày - Công suất LPG 600 tấn/ngày - Công suất condensate 35 tấn/ngày - Kho chứa: 04 bồn LPG (2000 tấn/bồn); 02 bồn condensate 1500m³/bồn	Hoàn thành đưa vào hoạt động
2	Công ty CP kinh doanh khí miền Nam	Dự án Kho và trạm chiết nạp LPG Cà Mau	Giấy CNDKDT số 7681063127 và Quyết định 25/QĐ-BQL điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 07/3/2016 (cấp lần đầu ngày 17/02/2016)	2.8100	19.302	Công suất chiết nạp LPG 400 tấn /tháng	Hoàn thành đưa vào hoạt động
3	Công ty TNHH MTV Gas Cà Mau	Xây dựng trạm chiết nạp LPG, kho chứa	Quyết định 118/BQL điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 16/12/2019 (cấp lần đầu ngày 06/7/2018)	1.6440	14.000	2.900 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
4	Công ty TNHH Bao Bì Golden Horse	Nhà máy Bao bì Golden Horse	Giấy CNDKDT số 5715035512 điều chỉnh lần 5 do Ban Quản lý cấp ngày 25/5/2026 (cấp lần đầu ngày 24/10/2014)	4.6720	121.170	+ Túi PE: 1.800 tấn/năm); + Hộp Carton: 2.340 tấn/năm; + Thùng Carton: 12.600 tấn/năm; + Túi PA: 1.200 tấn/năm.	Hoàn thành đưa vào hoạt động
5	Công ty Truyền tải điện 4 - Truyền tải điện Cà Mau	Nhà Quản lý vận hành Dệt truyền tải điện Cà Mau	Quyết định số 51/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp lần đầu ngày 11/5/2016	0.4059	11.284	Nhà làm việc (2 tầng), nhà nghỉ chò ca và nhà ăn (1 tầng), các hạng mục hạ tầng, sân đường giao thông, cây xanh, cấp điện, cấp nước	Hoàn thành đưa vào hoạt động
6	Viện thông Cà Mau	Đầu tư xây dựng nhà trạm BTS và Anten tư đứng	Quyết định số 118/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp lần đầu ngày 26/8/2016	0.1268	1.356	- Công suất thiết kế của trạm: 63W; sản phẩm dịch vụ cung cấp điện thoại bàn, Internet, sóng di động vinaphone...	Hoàn thành đưa vào hoạt động
7	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Trạm biến áp 110KV và đường dây kết nối	Quyết định số 158/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp lần đầu ngày 17/10/2016	0.5314	89.107	Cung cấp điện cho KCN Khánh An	Hoàn thành đưa vào hoạt động
8	Công ty CP xây dựng công trình Hồng Lâm	Nhà máy bê tông công nghệ cao Hồng Lâm	Quyết định số 104/QĐ-BQL điều chỉnh lần 4 do Ban Quản lý cấp ngày 27/8/2020 (cấp lần đầu ngày 05/01/2017)	3.0290	65.342	- Cy bê tông dự ứng lực: 1.000.000m³/năm; Gạch không nung: 20.000.000 viên/năm; gạch vữa bê: 5.000.000 viên/năm; cốt điện: 500.000 m³/năm...	Hoàn thành đưa vào hoạt động
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú	Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Khánh An	Giấy CNDKDT số 1830410541 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 16/09/2021 (cấp lần đầu 15/4/2021)	2.7300	50.000	2.700 m³/ngày đêm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
10	Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam	Nhà máy thức ăn thủy sản C.P Cà Mau	Quyết định CTDCTDT đồng thời CTNDT số 02/QĐ-BQL và Giấy CNDKDT số 3289978918 điều chỉnh lần 02 do Ban Quản lý cấp ngày 04/6/2024 (lần đầu 20/8/2019)	17.7100	1725.000	124.800 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
11	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú Khánh An	Giấy CNDKDT số 3751511650 điều chỉnh lần 8 do Ban Quản lý cấp ngày 23/4/2026 (lần đầu 18/5/2021)	4.9500	1500.000	35.000 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
12	Công ty CP Nước và Môi trường Khánh An	DA DT XD nhà máy nước Khánh An	Giấy CNDKDT số 2623644857 điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 19/4/2021 (cấp lần đầu ngày 15/3/2012)	10.9913	140.000	GD1: 2.880m³/ngày đêm GD2: 2.880m³/ngày đêm GD3: 4.240m³/ngày đêm GD4: 10.000m³/ngày đêm (Tổng công suất 20.000 m³/ngày đêm)	Chậm tiến độ (Hoạt động một phần công suất hiện tại 6.960m³/ngày đêm, với 6 giếng khoan, diện tích đất đã sử dụng 03ha; các hạng mục công trình còn lại chưa triển khai)
13	Công ty Cổ phần Free Land	Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và phân vi sinh	Quyết định số 02/QĐ-BQL điều chỉnh lần 4 do Ban Quản lý cấp ngày 29/5/2020 (cấp lần đầu 12/9/2017)	11.8700	500.000	-Thức ăn thủy sản: 100.000 tấn sp/năm. - Phân vi sinh: 50.000 tấn sp/năm.	Chậm tiến độ "- Khu đất 9,2ha: NM CB thức ăn thủy sản đã hoàn thành đưa vào hoạt động; còn lại NM phân vi sinh, chưa triển khai + Khu đất 2,67ha: Công tác kết nguyên liệu, chưa hoàn thành
14	Công ty TNHH XD Quang Tiến	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao, vật liệu xây dựng nhè, vật liệu quý hiếm	Giấy CNDKDT số 1332481113 và Quyết định số 05/QĐ-BQL điều chỉnh lần 7 do Ban Quản lý cấp ngày 14/8/2023 (cấp lần đầu ngày 24/02/2016)	7.8060	970.000	- Dăm 50.000 /năm; Cọc bê tông cốt thép: 300.000m/năm; Gối cổng 15.000 gối/năm; Bê tông nhựa 100.000 tấn/năm; Bê tông tươi 100.000 tấn/năm; gạch không nung: 30.000.000 viên/năm	Chậm tiến độ (chưa triển khai một số hạng mục của các hạng mục công trình xây dựng của Dự án); chưa ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án; nợ tiền BTGPMB và phí sử dụng hạ tầng
15	Công ty Cổ phần Free Land	Nhà máy chế biến thủy hải sản	Quyết định 02/QĐ-BQL điều chỉnh lần 3 do Ban Quản lý cấp ngày 19/4/2023 (cấp lần đầu ngày 12/12/2017)	4.8900	310.000	Công suất: 4.950 tấn SP/năm	Chậm tiến độ (Chỉ triển khai một số hạng mục san lấp mặt bằng, xây hàng rào, nhà bảo vệ)

16	Công ty TNHH Hiệp Thành	Dự án đầu tư XD Cảng dịch vụ Khánh An	Giấy CNĐKDT số 582878663 điều chỉnh lần 03 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 10/3/2025 (lần đầu 09/12/2015)	10.2400	361.441	Tiếp nhận tàu từ 750 tấn trở xuống; 15.000 TEUS và nâng hạ hàng rời 200.000 tấn/năm	Đang triển khai
17	Công ty TNHH Golden Horse Plastic	Nhà máy bao bì Golden Horse Plastic	Quyết định CTĐCCTDT đồng thời CTNDT số 03/QĐ-BQL điều chỉnh lần 04 do Ban Quản lý cấp ngày 16/5/2025 (cấp lần đầu ngày 21/8/2019)	1.5000	36.000	Túi PE 2000 tấn/năm; Hạt nhựa tái sinh 600 tấn/năm; Dây đai 350 tấn/năm;	Đang triển khai
18	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Sao Lion	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ	Quyết định CTĐCCTDT đồng thời CTNDT số 04/QĐ-BQL điều chỉnh lần 03 do Ban Quản lý cấp ngày 16/6/2025 (lần đầu 30/10/2019)	2.7500	350.000	30.000 tấn/năm Thanh viên gỗ nền năng lượng Biomass	Đang triển khai
19	Công ty CP Dầu tư Xây dựng Hạ tầng và giao thông	Dự án Điện sinh khối Khánh An	Quyết định CTĐCCTDT số 02/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp điều chỉnh lần 01 26/1/2026 (lần đầu ngày 25/9/2020)	7.5200	1210.637	Tổng công suất 24 MW	Đang triển khai
20	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Qui	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Minh Qui	Giấy CNĐKDT số 1672652850 và Quyết định số 05/QĐ-BQL điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 30/6/2025 (cấp lần đầu ngày 18/5/2021)	4.9500	483.000	19.000 tấn/năm	Đang triển khai
21	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất nước đá + Khu kỹ thuật phục vụ sản xuất	Giấy CNĐKDT số 6317073316 và Quyết định CTCTDT số 09/QĐ-BQL điều chỉnh lần 01 do Ban Quản lý cấp ngày 26/11/2025 (cấp lần đầu 28/5/2021).	4.6000	100.000	22.500 tấn/năm	Đang triển khai
22	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hưng Thịnh CM	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất khay nhựa	QĐCTCTDT điều chỉnh lần 1 số 03/QĐ-BQL ngày 18/3/2026 (lần đầu 12/6/2024)	2.0000	59.000	Khay nhựa (bao bì) và khay xếp (bao bì) đựng hải sản. Trong đó: + Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khay nhựa (bao bì), công suất 2.500 tấn/năm. + Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khay xếp (bao bì), công suất 1.500 tấn/năm.	Đang triển khai
23	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An.	DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU DỊCH VỤ VÀ LƯU TRỮ CHO CÔNG NHÂN - KHU CÔNG NGHIỆP KHÁNH AN	GIẤY CHỨNG NHẬN DĂNG KÝ ĐẦU TƯ Mã số dự án: 8232413063 Chứng nhận lần đầu: Ngày 29 tháng 7 năm 2026	6.0700	490.000	Dự kiến bố trí 14 Block 5 tầng phục vụ 15.000 chỗ lưu trữ cho công nhân và chuyển giao làm việc tại chuỗi các Nhà máy Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An nổi riêng và các nhà máy khác trong khu công nghiệp Khánh An	Đang triển khai
II KCN Tắc Thu (345 ha): 01 dự án				345.0000	3922.3540		Đang triển khai: 01
1	Công ty CP Tập đoàn Dầu tư hạ tầng Việt Nam	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tắc Thu	QĐCTCTDT số 510/QĐ-BQL ngày 24/02/2026; Giấy CNĐKDT số 4428025807 ngày 27/02/2026	345.0000	3922.354	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp 345ha	Đang triển khai
III KCN Hòa Trung (326 ha): 12 dự án				26.4809	1299.453		- Hoàn thành: 09 - Đang triển khai: 03
1	Công ty CP CBTS XNK Hòa Trung	Nhà máy chế biến thủy sản Hòa Trung	Giấy CNĐKDT số 0827525883 điều chỉnh lần 6 do Ban Quản lý cấp ngày 10/6/2024 (lần đầu số 61101000050 ngày 07/11/2008 do UBND tỉnh cấp)	4.5960	130.000	Công suất 3.000 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
2	Công ty TNHH CBTS XNK Minh Châu.	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Châu	Giấy CNĐKDT số 61201000029 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý cấp ngày 01/7/2010 (lần đầu ngày 30/9/2008)	3.0780	80.000	Công suất 6.000 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
3	Công ty TNHH Kỹ nghệ sinh hóa Thịnh Long	DAĐT XD nhà máy SX chitin và đầu tư sản xuất dịch đạm thủy phân, bột tôm	Giấy CNĐKDT số 6287226371 điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 14/4/2021 (cấp lần đầu số 61201000036 ngày 06/10/2011)	2.1500	107.000	SX Chitin: 1.000 tấn/năm; SX dịch đạm thủy phân: 1.500 tấn/năm; SX bột tôm: 5.616 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
4	Công ty CP Việt Nam Food	Nhà máy sản xuất dịch tôm, bột tôm và các sản phẩm từ phế phẩm thủy sản	Giấy CNĐKDT số 8544278707 điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 4/5/2019 (cấp lần đầu số 61202000049 ngày 5/4/2013)	3.6680	100.000	Sản xuất dịch tôm: 24.000 tấn/năm; sản xuất bột tôm 9.600 tấn/năm; các sản phẩm phụ khác: 12.000 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
5	Công ty TNHH MTV SX - TM - SK Đại Phát	Dự án đầu tư nhà máy chế biến chà cá, cá muối xát ớt và sản xuất nước mắm.	Quyết định CTCTDT đồng thời CTNDT số 06/QĐ-BQL điều chỉnh lần 11 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 10/7/2024 (cấp lần đầu ngày 09/12/2014)	3.8260	220.730	913.500 lít nước mắm/năm; 960 tấn chitin/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
6	Công ty TNHH MTV Ánh Ngọc	Nhà máy sản xuất nước đá	Giấy CNĐKDT số 4447252502 điều chỉnh lần 02 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 02/01/2019 (lần đầu ngày 9/12/2014)	0.5180	14.871	1,600 cây/ngày đêm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
7	Công ty TNHH Thủy sản Bluebay	Nhà máy chế biến thủy sản	Giấy CNĐKDT số 8741370409 điều chỉnh lần 10 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 31/12/2025 (lần đầu 28/3/2019)	3.7330	420.393	8.800 tấn sản phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động (5.800 tấn sp/năm)
8	Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Thuận Đức	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản	Giấy CNĐKDT số 41044620644 điều chỉnh lần 02 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 09/5/2024 (lần đầu 03/10/2021)	1.0180	55.000	3.500 tấn sản phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
9	Công ty TNHH TM Xăng dầu Hiền Đức	Dự án đầu tư xây dựng Kho xăng dầu và Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Hiền Đức	Giấy CNĐKDT số 0808011765 do Sở KHĐT cấp lần đầu ngày 18/12/2017	0.5700	16.459	- Kho chứa: 2000m3 - Cửa hàng bán lẻ: Xăng: 180000 lít/năm; Dầu: 120000 lít/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
10	Công ty TNHH Trung Vy Phát	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản Trung Vy Phát	Quyết định CTCTDT đồng thời CTNDT số 11/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT cấp lần đầu ngày 18/12/2024; Quyết định chấp thuận điều chỉnh CTDT số 06/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT điều chỉnh thứ 01 ngày 15/7/2026	0.9000	40.000	Công suất 1680 tấn thành phẩm/năm	Đang triển khai
11	Công ty CP Việt Nam Green	Nhà máy xử lý chế biến phụ phẩm thủy hải sản	Quyết định CTCTDT đồng thời CTNDT số 01/QĐ-BQL điều chỉnh lần 3 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 05/01/2026 (lần đầu 06/01/2021)	1.1300	15.000	10,000 tấn sản phẩm/năm	Đang triển khai
12	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Nam Phương	Nhà máy sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản	Giấy CNĐKDT số 4556272230 do Ban Quản lý KKT cấp lần đầu ngày 18/5/2026	1.2939	100.000	6.000 tấn/năm	Đang triển khai

IV	KKT Cà Mau (10.801,95 ha) : 13 dự án			68.3063	2639.486		- Hoàn thành: 09 - Đang triển khai: 02 - Chậm tiến độ: 01 - Không triển khai: 01
1	Cty TNHH MTV OZON Đất Mũi	Đầu tư dự án khách sạn OZON Đất Mũi	Giấy CNĐKDT số 61201000065 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 21/04/2015	0.7460	26.570	4 tầng, 40 phòng	Hoàn thành đưa vào hoạt động
2	Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	Dự án đầu tư Cửa hàng xăng dầu – Bách hóa Năm Căn	Quyết định CTCTDT đồng thời CTNDT số 08/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT cấp điều chỉnh lần 01 ngày 30/10/2025 (lần đầu 22/10/2007)	0.2896	1.760	0,28962 ha	Hoàn thành đưa vào hoạt động
3	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cà Mau (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Cà Mau)	Cửa hàng xăng dầu số 16	Quyết định chủ trương đầu tư số 29/QĐ-BQL do Ban Quản lý KKT cấp ngày 16/3/2016	0.2340	8.900	Cửa hàng xăng dầu loại 3	Hoàn thành đưa vào hoạt động
4	Công ty TNHH MTV Petrolimex Cà Mau (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Cà Mau)	Cửa hàng xăng dầu số 29	Giấy CNĐKDT số 6060761088 do Sở KHĐT cấp ngày 31/5/2017	0.0750	4.700	Cửa hàng xăng dầu loại 2	Hoàn thành đưa vào hoạt động
5	Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Nhà máy chế biến thủy sản	Giấy CNĐT số 61101000092 do UBND tỉnh cấp ngày 20/01/2010	1.9830	110.000	15 tấn thành phẩm/ngày	Hoàn thành đưa vào hoạt động
6		Khu xử lý nước thải (Hạng mục công trình phục vụ Nhà máy chế biến thủy sản)	Quyết định cho thuê đất 231/QĐ-UBND ngày 10/10/2003; Quyết định CTDCCTDT số 07/QĐ-BQL ngày 15/7/2024	0.5300	3.826	400m3/ngày đêm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
7	Công ty TNHH Liêm Duyệt Hải	Bến tàu, xe Năm Căn giai đoạn I	Giấy CNĐKDT số 61101000061 do Sở KHĐT cấp ngày 12/5/2009	0.4500	6.340	Bến tàu, xe loại III	Hoàn thành đưa vào hoạt động
8		Bến tàu, xe Năm Căn giai đoạn II	Giấy CNĐKDT số 2033766137 điều chỉnh lần 2 do BQLKKT cấp ngày 01/7/2022 (cấp lần đầu ngày 15/8/2014)	1.1200	15.000	Bến xe - Tàu loại III	Hoàn thành (Đã xây dựng các hạng mục công trình và có các hoạt động khai thác kinh doanh nhưng chưa hoàn thành thủ tục XD)
9	Công ty CP Đầu tư xây dựng Hồng Trung - Kiên Giang	Chợ Cà Nảy	Giấy CNĐKDT số 7356055218 do Sở KHĐT cấp lần đầu ngày 28/5/2018	0.2512	13.140	Công suất thiết kế: chợ loại 2, SP, dịch vụ cung cấp: cung cấp điểm kinh doanh cho các tiểu thương	Hoàn thành (Dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình, đang khởi công xây dựng và thi công xây dựng)
10	Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	Dự án đầu tư nâng cấp cảng Năm Căn	Giấy CNĐKDT số 61201000041 điều chỉnh lần 1 do Ban Quản lý KKT cấp ngày 05/01/2012 (lần đầu ngày 06/3/2008)	7.6000	355.380	Phục vụ tàu có trọng tải: 12.500DWT cấp cảng;CS xếp dỡ HH :808.950 tấn/năm; GD1: đến 2015 CS xếp dỡ HH 0.89 triệu tấn/năm; GD2: 2015-2020 CS xếp dỡ HH 2.30 triệu tấn/năm.	Chậm tiến độ
11	Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Nhà khách Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn	Quyết định CTCTDT đồng thời CTNDT số 334/QĐ-UBND do UBND tỉnh cấp ngày 08/3/2016 và Giấy CNĐKDT số 0821603731 do Sở KHĐT cấp ngày 11/3/2016.	0.0355	1.030	Phòng khách, nhà để xe, sân đường nội bộ nhằm phục vụ khách hàng, người lao động của Công ty.	Không triển khai (chậm tiến độ hơn 9 năm)
12	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Nhà kho	Quyết định số 06/QĐ-BQL điều chỉnh lần 2 do Ban Quản lý cấp ngày 06/8/2025 (cấp lần đầu ngày 11/01/2017)	0.4860	12.160	Dự trữ hàng hóa phục vụ tiêu dùng	Đang triển khai
13	Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước (6.325,2 m2) và nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước Năm Căn (2.029,7 m2)	Quyết định CTDCCTDT đồng thời CTNDT số 12/QĐ-BQL điều chỉnh lần 1 ngày 09/12/2025 (cấp lần đầu 09/8/2024)	0.8550	80.680	- Công suất thiết kế: 6.000 m3 ngày/đêm, trong đó: + Giai đoạn đầu: 2.950 m3 ngày/đêm. + Giai đoạn sau: 3.050 m3 ngày/đêm.	Đang triển khai
14	Công ty Cổ phần Cảng - Đóng và sửa chữa tàu Nam Phát Cà Mau	Dự án Tổ hợp Công nghiệp Đóng tàu và Cơ khí	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ Mã số dự án: 7507564003 Chứng nhận lần đầu: Ngày 28 tháng 7 năm 2026.	53.6510	2000.000	Công suất thiết kế của dự án: a. Công suất thiết kế Nhà máy Đóng tàu và Sửa chữa tàu: - Đóng mới tàu thủy các loại có trọng tải đến 10.000 DWT, công suất dự kiến 10 tàu/năm; - Sửa chữa, đại tu tàu thủy có trọng tải đến 6.500 DWT, công suất dự kiến 36 tàu/năm; - Sản phẩm cung cấp: Tàu vận tải biển, tàu dịch vụ dầu khí, tàu cá công suất lớn lên đến 10.000 DWT và sửa chữa, đại tu tàu lên đến 6.500 DWT. b. Công suất thiết kế Nhà máy Cơ khí Chế tạo và Gia công kết cấu thép: 156.000 tấn/năm. - Thép tấm cắt, xe: 60.000 tấn/năm; - Thép ống hàn xoắn, hàn thẳng: 36.000 tấn/năm; - Gia công cơ khí chế tạo khác: 60.000 tấn/năm; - Sản phẩm cung cấp: Sản xuất các kết cấu thép lớn phục vụ ngành đóng tàu, cơ khí chính xác, thiết bị cho các dự án năng lượng (gió, mặt trời), dầu khí và kết cấu cầu cảng. c. Công suất thiết kế các hạng mục công trình phụ trợ: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: 2.000.000 tấn/năm. Trong đó: + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: 1.000.000 tấn/năm; + Bể xếp hàng hóa: 500.000 tấn/năm; + Nhà kho: 500.000 tấn/năm. - Trạm cấp nước và xử lý nước thải: + Trạm cấp nước: dự kiến công suất 50 m3/ngày đêm; Cung cấp nước phục vụ sản xuất cho dự án; + Trạm xử lý nước: Công suất 40 m3/ngày đêm; Xử lý nước thải phục vụ sản xuất cho dự án.	Đang triển khai
V	KCN Trà Kha (65 ha): 26 dự án			45.3817	2321.359		- Hoàn thành: 19 - Đang triển khai: 04 - Chậm tiến độ: 02 - Chưa triển khai: 01
1	Công ty CP Bía Sài Gòn - Bạc Liêu	NM Bía Sài Gòn - Bạc Liêu	Giấy CNĐKDT số 6705715440 điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 29/11/2023 (cấp lần đầu ngày 09/7/2007)	7.0592	462.100	50 triệu lít/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
2	Viện thông Bạc Liêu	Trung tâm kinh doanh và nhà đặt thiết bị viễn thông KCN Trà Kha - VNPT Bạc Liêu	Giấy CNĐKDT số 3870223406 điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 30/12/2024 (cấp lần đầu ngày 23/3/2010)	0.1100	6.500	0,110ha	Hoàn thành đưa vào hoạt động
3	Công ty CP Bao bì	NM sản xuất Bao bì Dầu Khí	Giấy CNĐKDT số 0578538766 điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 14/12/2020 (cấp lần đầu ngày 23/6/2010) Chứng nhận thay đổi lần thứ 02: ngày 19 tháng 6 năm 2026	2.1477	137.000	- Giai đoạn 1 (đã thực hiện): 20 (hai mươi) triệu bao/ năm. - Giai đoạn 2 (mở rộng): nâng công suất từ 20 lên 50 triệu bao/ năm.	Hoàn thành đưa vào hoạt động

4	Dầu khí Việt Nam	NM sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu	Giấy CNĐKDT số 5636803317 điều chỉnh lần 2 ngày 24/5/2023 (lần đầu ngày 12/4/2016) và QĐCTDT điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 24/5/2023 (cấp lần đầu ngày 28/3/2016)	1.7696	34.575	30 nghìn tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
5	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (SAIGON PETRO)	Trạm triết nạp Gas	Giấy CNĐKDT số 60221000008 điều chỉnh lần 01 do BQLKCN cấp ngày 10/10/2013 (lần đầu ngày 23/5/2013)	0.7000	10.098	24 nghìn tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
6	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	NM may Vinatex Bạc Liêu	Giấy CNĐKDT số 7772730650 điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 06/4/2021 (lần đầu ngày 12/2/2015)	4.4280	107.500	25 triệu may với sản lượng 6,1 triệu sản phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
7	Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	Nhà kho	Giấy CNĐKDT số 60221000010 điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 08/4/2015 (lần đầu ngày 26/3/2014)	1.0006	22.650	0,501 ha	Hoàn thành đưa vào hoạt động
8	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thi nghiệm Điện Miền Nam	Trung tâm Thi nghiệm Điện Bạc Liêu	QĐCTDT số 22/QĐ-KCN do BQLKCN cấp ngày 13/6/2017	1.0240	17.000	150 nghìn sản phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
9	Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ Cao SIBA	NM cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao VMECO	Giấy CNĐKDT số 3782124025 điều chỉnh lần 2 ngày 01/8/2022 (lần đầu ngày 26/8/2019) và QĐCTDT số 21/QĐ-KCN điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 29/7/2022 (lần đầu ngày 27/7/2018)	1.4101	231.000	- Phụ tùng công nghiệp phụ trợ: 8.5 nghìn sp/năm - Lò đốt rác: 300 tấn/năm - DA xử lý nước thải: 15 DA - Gia công kéo thép, nhà xưởng: 1,5 nghìn sp/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
10	Công ty CP Cấp nước Bạc Liêu	Trạm cấp nước KCN Trà Kha	QĐCTDT số 50/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 05/11/2021 (lần đầu ngày 05/5/2021)	0.2000	23.206	2,000 m2/ngày đêm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
11	Công ty Cổ phần Gao Lúa Tôm (tên cũ: Công ty CP Dầu tư Phát triển Gia Nghiêm)	Nhà máy chế biến thủy sản Gao Lúa Tôm (tên cũ: NM sản xuất gạch không nung)	QĐCTDT số 15/QĐ-KCN do BQLKCN cấp ngày 27/6/2016; QĐCTDT số 07/QĐ-BQL (Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 28 tháng 7 năm 2026)	0.8740	10.000	960 tấn sản phẩm/ năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
12	Công ty CP Dầu tư Phát triển Gia Nghiêm	NM sản xuất thùng xốp	QĐCTDT số 28/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 04/8/2021 (cấp lần đầu ngày 26/3/2020)	1.4288	25.000	1,440 tấn sản phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
13	Công ty TNHH TMDV sản xuất Khang Long - Hữu Lộc	NM sản xuất các cấu kiện thép và bê tông đúc sẵn loại nhỏ	Giấy CNĐKDT số 8462173878 điều chỉnh lần 3 do BQLKCN cấp ngày 19/3/2019 (lần đầu ngày 09/4/2012)	1.5000	32.586	Cầu kiện thép: 5060 tấn/năm Bê tông đúc: 29.400 tấn/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
14	Công ty CP Dầu tư Phát triển Nông nghiệp - Thủy sản Bạc Liêu	NM sản xuất, gia công phân bón NPK	Giấy CNĐKDT số 7432706454 điều chỉnh lần 1 ngày 23/11/2018 (lần đầu ngày 06/10/2017) và QĐCTDT số 29/QĐ-KCN điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 16/8/2021 (lần đầu ngày 08/12/2017)	1.3993	44.254	17.540 tấn sản phẩm/năm (trong đó: phân bón 17.500 tấn; 40 tấn)	Hoàn thành đưa vào hoạt động
15	Công ty TNHH sản xuất và thương mại thủy sản Đồng Dương	NM sản xuất thuốc thú y thủy sản	Giấy CNĐKDT số 4883702147 do BQLKCN cấp ngày 25/9/2015	0.3215	17.000	47 tấn thành phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
16	Công ty CP Quốc tế Đồng Dương	NM chế phẩm sinh học Ibiopharm Việt Nam	QĐCTDT số 39/QĐ-KCN do BQLKCN cấp ngày 30/12/2016; QĐ số 05 /QĐ-BQL Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 08 tháng 6 năm 2026	4.0238	100.000	Sản xuất chế phẩm sinh học: 2.500 tấn sản phẩm/năm; Cho thuê 02 nhà xưởng do nhà đầu tư xây dựng với diện tích 4.680 m2	Hoàn thành đưa vào hoạt động
17	Công ty CP Sản xuất và Thương mại N Muối	NM chế biến cà phê, trà, điều	QĐCTDT số 52/QĐ-KCN điều chỉnh lần 2 do BQLKCN cấp ngày 23/11/2021 (lần đầu ngày 08/12/2017)	2.7555	53.370	38 tấn/ngày đêm (trong đó: 08 tấn cà phê, trà, điều; 30 tấn gạo lau bóng)	Hoàn thành đưa vào hoạt động
18	Công ty TNHH Bao bì Lương thực Trung Diệp	NM sản xuất Bao bì Minh Trí	Giấy CNĐKDT số 6442336660 điều chỉnh lần 3 ngày 12/12/2024 (lần đầu ngày 09/9/2010) và QĐCTDT điều chỉnh lần 4 do BQLKCN cấp ngày 30/6/2025 (lần đầu ngày 09/9/2010)	0.7174	61.300	43 nghìn tấn sp/năm (trong đó: thùng giấy carton 15 nghìn tấn; Bao bì PP và Bopp 10 nghìn; bao bì pe 18 nghìn)	Hoàn thành đưa vào hoạt động
19	Công ty TNHH Phương Hậu Bạc Liêu	NM sản xuất Bao bì Phương Hậu	Giấy CNĐKDT số 0065056246 ngày 29/3/2019 và QĐCTDT số 11/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 11/4/2025 (lần đầu ngày 31/7/2018)	0.6000	16.000	5.500 tấn sản phẩm/năm	Hoàn thành đưa vào hoạt động
20	Công ty CP Quốc tế Đồng Dương	NM sản xuất Dược Bali	QĐCTDT số 45/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 29/11/2019 (lần đầu ngày 27/7/2018)	3.1182	200.000	1 nghìn tấn sản phẩm được liệt các loại/năm	Chậm tiến độ
21	Công ty CP kho vận An Phước	Cảng bến sông - KCN Trà Kha	Giấy CNĐKDT số 60221000007 do BQLKCN cấp ngày 26/4/2012	1.0606	83.000	Cảng bến sông KCN; Bốc xếp 600 tấn hàng hóa/ngày	Chậm tiến độ (đã xây dựng nhà điều hành, bãi hàng, nhà kho, còn lại Bến cảng chưa xây dựng xong; hiện đang cho Cty Ô tô Trường Hải thuê lại làm đại lý bán xe)
22	Công ty CP Dệt Đồng Nam	NM Sợi Đồng Nam - Bạc Liêu	QĐCTDT số 63/QĐ-KCN điều chỉnh lần 1 do BQLKCN cấp ngày 29/12/2020 (lần đầu ngày 31/10/2018)	4.6000	512.920	71 nghìn tấn/năm	Chưa triển khai
23	Công ty TNHH Xây dựng Tâm Thuận Phát	Dịch vụ kho vận Logistics cung cấp kho bãi chứa hàng và cho thuê lại nhà kho	QĐCTDT số 13/QĐ-BQL do Ban Quản lý cấp ngày 25/12/2025 (cấp lần đầu 27/11/2025)	0.8587	42.300	Dịch vụ kho vận logistics: 280.000 tấn sp/năm	Đang triển khai
24	Công ty TNHH Vật liệu mới Đa Đông Vũ Việt Nam	NM sản xuất cấu kiện bê tông Bạc Liêu	QĐCTDT số 07/QĐ-BQL do BQL KKT cấp ngày 27/10/2025; GCNĐKDT điều chỉnh lần 02 ngày 31/7/2026	1.2321	30.000	124 nghìn tấn/năm	Đang triển khai

25	Công ty TNHH Thương mại Lúa Xanh	Dự án đầu tư Khu dịch vụ Khu công nghiệp Trà Kha	QDCTDT số 04/QĐ-BQL do BQL KKT cấp ngày 22/5/2026	0.6571	30.000	- Công suất thiết kế: Dầu tư các loại hình dịch vụ cho Khu công nghiệp Trà Kha trên phần diện tích 6.571 m2. - Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Dự án cung cấp dịch vụ lưu trú cho công nhân và chuyên gia, cùng các dịch vụ tiện ích đi kèm như ăn uống, mua sắm, sinh hoạt, giải trí và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt trong Khu công nghiệp Trà Kha.	Đang triển khai
26	Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng thương mại Thành Đô	Nhà máy sản xuất cầu kiến bê tông đúc sẵn và thiết bị cơ khí	GCNDKDT Mũi số dự án: 4320616354 Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 6 năm 2026	0.3854	12.000	- Công suất thiết kế của dự án: 100.300 tấn/năm.	Đang triển khai
VI	KCN Láng Trăm (150 - 200ha): 01 dự án			6.7542	271.680		Hoàn thành: 01
1	Công ty CP Chế biến thủy sản XNK Âu Vũng 2	NM Chế biến thủy sản Âu Vũng I	Giấy CNDKDT số 0742047264 điều chỉnh lần 4 ngày 03/10/2016 (lần đầu ngày 07/01/2011)	6.7542	271.680	10 nghìn tấn thành phẩm/năm	Hoàn thành (Dự án đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh)